



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán*



ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

NỘI DUNG

CÔNG TY	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	07 - 08
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	11 - 26



VỀ ĐƠN VỊ CỦA CÔNG TY BỊ KIỂM TOÁN: 24.001.000.000 đồng

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 3 ngách 7/24 Yên Cầu, Phường Liễu Quán, Quận Ba Đình, Hà Nội (Đã có báo Quyết định của Hội đồng quản trị số 135/2010/QĐ/HĐQT-ĐNHĐ ngày 18 tháng 09 năm 2010. Hiện Công ty đang làm các thủ tục để đơn vị hoạt động theo quy định)
Chi nhánh Đà Nẵng	Khu 01 Công Viên Xanh, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Ngày hoạt động theo Báo cáo ngày 30/12/2010 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP.HCM tại Đà Nẵng của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng và Quyết định của Hội đồng quản trị số 136/2010/QĐ/HĐQT-ĐNHĐ, ngày 18 tháng 09 năm 2010)
Chi nhánh Cần Thơ	99 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480, đăng ký lần đầu ngày 01/08/2001, số đăng ký kinh doanh 4103000534, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư – máy móc – phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại. Bán buôn thực phẩm chức năng.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội (Giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 137/2010/QĐ/YTC-NSHC ngày 18 tháng 06 năm 2010. Hiện Công ty đang làm các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định)
Chi nhánh Đà Nẵng	K49/51 Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng (Ngưng hoạt động theo Biên bản ngày 20/12/2010 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP.HCM tại Đà Nẵng của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng và Quyết định của Hội đồng quản trị số 136/2010/QĐ/YTC-NSHC, ngày 18 tháng 06 năm 2010)
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định (Ngưng hoạt động theo Thông báo số 93/ĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định ngày 18 tháng 06 năm 2010)
Nhà thuốc Yteco số 1	419 Trần Hưng Đạo, Khu vực 2, Phường 1, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang (Ngưng hoạt động theo Quyết định số 26/2010/QĐ-ĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang ngày 29 tháng 06 năm 2010)
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, Tp.HCM (Ngưng hoạt động theo Công văn số 13/VT-Cty ngày 05/04/2010 của Công ty CP DP Phú Thọ về việc giao trả mặt bằng tại khu vực mua bán sỉ dược phẩm Phú Thọ Quận 11 vào ngày 30/06/2010)
Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	LÊ VĂN QUÊ	Chủ tịch
Ông	CÁP HỮU ÁNH	Phó Chủ tịch
Ông	TRỊNH ĐÀO CUNG	Thành viên
Ông	HUYỀN CÔNG THIỆU	Thành viên
Bà	PHẠM TỐ HÀ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	TRỊNH ĐÀO CUNG	Tổng Giám đốc
Ông	NGUYỄN HẢI HÀ	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	NGUYỄN QUANG VINH	Trưởng ban
Ông	DƯ QUỐC ĐÔNG	Thành viên
Ông	LÊ VĂN THIỆN	Thành viên



KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 03 năm 2011
TM BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Tổng Giám đốc



ĐS. Trịnh Đào Cung



Số 370/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC; CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 29 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 22 tháng 4 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)****Tổng Giám Đốc****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM****LÊ VĂN TUẤN**

Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

Kiểm Toán Viên**NGUYỄN VŨ**

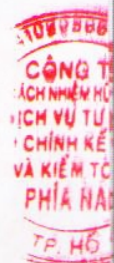
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		446,831,543,097	378,338,494,652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		43,987,122,639	25,289,406,924
1. Tiền	111	V.01	36,987,122,639	25,289,406,924
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	7,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	12,220,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	12,220,000,000
III. Các khoản phải thu	130		317,201,261,728	247,459,209,945
1. Phải thu của khách hàng	131		279,126,887,131	227,911,176,771
2. Trả trước cho người bán	132		25,909,431,198	16,757,393,725
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	13,184,349,189	3,807,431,821
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,019,405,790)	(1,016,792,372)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	78,263,577,640	90,308,725,847
1. Hàng tồn kho	141		78,579,665,477	91,089,990,560
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(316,087,837)	(781,264,713)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,379,581,090	3,061,151,936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86,133,525	67,888,085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		185,758,861	775,333,520
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	234,749,930	49,332,816
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	6,872,938,774	2,168,597,515
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11,619,490,560	11,994,254,631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11,103,014,033	11,538,804,016
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8,624,145,025	7,566,225,225
- Nguyên giá	222		17,065,786,329	14,441,864,617
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8,441,641,304)	(6,875,639,392)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	458,227,368
- Nguyên giá	225		-	735,810,985
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(277,583,617)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1,586,895,086	578,597,770
- Nguyên giá	228		2,941,828,300	1,709,023,600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,354,933,214)	(1,130,425,830)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	891,973,922	2,935,753,653
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	-	5,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		516,476,527	450,450,615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	422,476,527	341,645,265
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		94,000,000	108,805,350
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458,451,033,657	390,332,749,283



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		420,546,717,218	353,461,843,309
I. Nợ ngắn hạn	310		420,305,717,218	351,999,896,369
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	83,651,289,395	62,198,090,087
2. Phải trả người bán	312		228,305,520,563	215,181,804,041
3. Người mua trả tiền trước	313		92,014,661,517	61,567,239,284
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	4,572,530,022	2,649,805,991
6. Chi phí phải trả	316		4,420,146,300	47,624,900
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	5,915,962,722	8,599,335,155
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,425,606,699	1,755,996,911
II. Nợ dài hạn	330		241,000,000	1,461,946,940
3. Phải trả dài hạn khác	333		241,000,000	1,216,012,140
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	-	245,934,800
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37,904,316,439	36,870,905,974
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	37,904,316,439	36,870,905,974
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28,000,000,000	28,000,000,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		168,375,780	303,471,383
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,116,793,854	5,637,293,256
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,305,445,477	1,962,945,050
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1,313,701,328	967,196,285
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458,451,033,657	390,332,749,283

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Nợ khó đòi đã xử lý		17,293,920	17,293,920
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		30,094.52	145,674.15
- Bảng Anh		-	1.12
- Euro		36,402.77	27,937.36

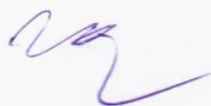
Ngày 29 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu



Phạm Thanh Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà

Tổng Giám Đốc



ĐS. Trịnh Đào Cung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

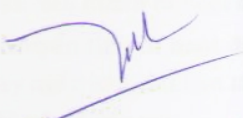
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	355,269,781,605	461,091,139,690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,150,576,493	2,495,796,193
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351,119,205,112	458,595,343,497
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	318,978,926,536	429,318,683,435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32,140,278,576	29,276,660,062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	32,655,647,789	3,747,754,790
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	29,794,025,506	4,992,511,784
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,631,375,807	3,015,266,109
8. Chi phí bán hàng	24		18,654,244,481	16,324,698,296
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,504,523,980	5,905,881,453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,843,132,398	5,801,323,319
11. Thu nhập khác	31		1,345,281,456	1,604,650,004
12. Chi phí khác	32		12,326,434	77,499,812
13. Lợi nhuận khác	40		1,332,955,022	1,527,150,192
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,176,087,420	7,328,473,511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22	2,326,078,874	1,288,769,360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,850,008,546	6,039,704,151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.23	2,446	2,157

Ngày 29 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Phạm Thanh Tuyền



Nguyễn Hải Hà



Đ.S. Trịnh Đào Cung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,176,087,420	7,328,473,511
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,557,566,983	1,181,154,852
- Các khoản dự phòng	03		(462,563,458)	(1,911,916,765)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,497,029,555)	(2,078,987,634)
- Chi phí lãi vay	06		5,631,375,807	3,015,266,109
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14,405,437,197	7,533,990,073
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(74,030,043,565)	(123,830,692,643)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		12,510,325,083	(34,832,603,507)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		47,998,188,769	127,255,533,347
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(99,076,702)	(140,561,902)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5,631,375,807)	(3,015,266,109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,812,938,030)	(289,555,546)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,000,000	2,540,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,040,797,892)	(677,502,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,698,280,947)	(27,994,118,587)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,176,674,479)	(2,733,132,323)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2,200,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(37,624,232,000)
4. Tiền thu hồi từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12,225,000,000	34,434,232,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,496,632,235	2,078,987,634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11,547,157,756	(3,844,144,689)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		240,631,412,188	180,352,393,541
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(219,424,147,679)	(152,186,032,749)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(166,990,457)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,223,330,000)	(1,055,410,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14,983,934,509	26,943,960,335
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18,832,811,318	(4,894,302,941)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25,289,406,924	29,880,238,482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(135,095,603)	303,471,383
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	VII.24	43,987,122,639	25,289,406,924

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám Đốc

Phạm Thanh Tuyền

Nguyễn Hải Hà

ĐS. Trịnh Đào Cung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480, đăng ký lần đầu ngày 01/08/2001, số đăng ký kinh doanh 4103000534, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư – máy móc – phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại. Bán buôn thực phẩm chức năng.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội (Giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 137/2010/QĐ/YTC-NSHC ngày 18 tháng 06 năm 2010. Hiện Công ty đang làm các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định)
Chi nhánh Đà Nẵng	K49/51 Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng (Ngưng hoạt động theo Biên bản ngày 20/12/2010 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP.HCM tại Đà Nẵng của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng và Quyết định của Hội đồng quản trị số 136/2010/QĐ/YTC-NSHC, ngày 18 tháng 06 năm 2010)
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định (Ngưng hoạt động theo Thông báo số 93/ĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định ngày 18 tháng 06 năm 2010)

308891
CÔNG TY
HỆM HỮU HỘ
TU TƯ VÀ
NH KẾ TỐ
HỆM TOÁN
A NAM
HỒ CHÍ

Nhà thuốc Yteco số 1	419 Trần Hưng Đạo, Khu vực 2, Phường 1, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang (Ngưng hoạt động theo Quyết định số 26/2010/QĐ-ĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang ngày 29 tháng 06 năm 2010)
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ – 940 Đường 3/2, Quận 11, Tp.HCM (Ngưng hoạt động theo Công văn số 13/VT-Cty ngày 05/04/2010 của Công ty CP DP Phú Thọ về việc giao trả mặt bằng tại khu vực mua bán sỉ dược phẩm Phú Thọ Quận 11 vào ngày 30/06/2010)
Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ



được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ vào cuối kỳ được thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp trích lập dự phòng như sau :

- Đối với hàng hóa chờ thanh lý, kém phẩm chất, quá hạn sử dụng hoặc có hạn sử dụng dưới 6 tháng: dự phòng giảm giá 100% giá trị;
- Đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 1 năm và trên 6 tháng : dự phòng giảm giá 50% giá trị.

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với Thông tư 203/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Cụ thể, thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 12 năm
- Tài sản cố định vô hình	25 năm
- Phần mềm máy tính	08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.



Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

1020
CÔNG
CHÍNH
CH VỤ
CHÍNH
À KIẾ
PHÍA
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	464,403,323	954,802,640
- Tiền gửi ngân hàng	36,522,719,316	24,334,604,284
Cộng	<u>36,987,122,639</u>	<u>25,289,406,924</u>

2. Các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Sài Gòn	7,000,000,000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tại Văn phòng Công ty	11,641,387,093	1,594,878,604
- Hiệu thuốc số 1	-	27,559,929
- Hiệu thuốc số 2	-	983,600
- Hiệu thuốc số 4	(38,720,401)	389,188,115
- Chi nhánh Hà Nội	67,326,540	(55,303,751)
- Chi nhánh Đà Nẵng	13,196,885	18,820,152
- Chi nhánh Cần Thơ	1,501,159,072	1,831,305,172
Cộng	<u>13,184,349,189</u>	<u>3,807,431,821</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc của hàng tồn kho	78,579,665,477	91,089,990,560
- Hàng mua đang đi đường	41,700,208	-
- Hàng hoá	78,537,965,269	91,089,990,560
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(316,087,837)	(781,264,713)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>78,263,577,640</u>	<u>90,308,725,847</u>

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT nộp thừa	187,783,809	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	46,966,121	49,332,816
Cộng	<u>234,749,930</u>	<u>49,332,816</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	894,938,490	717,469,106
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,978,000,284	1,451,128,409
Cộng	<u>6,872,938,774</u>	<u>2,168,597,515</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	9,164,926,646	290,292,331	2,635,280,023	1,869,133,617	482,232,000	14,441,864,617
Mua trong năm		48,029,000	572,998,217	571,075,610	187,000,000	1,379,102,827
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	584,701,900		735,810,985			735,810,985
Đầu tư XDCB hoàn thành				75,694,000		584,701,900
Thanh lý, nhượng bán						75,694,000
Số dư cuối năm	9,749,628,546	338,321,331	3,944,089,225	2,364,515,227	669,232,000	17,065,786,329
II- Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4,035,040,335	91,384,361	1,613,540,703	983,343,550	152,330,443	6,875,639,392
Khấu hao trong năm	579,921,592	47,669,341	268,844,069	322,603,864	77,458,213	1,296,497,079
Mua lại TSCĐ thuê tài chính						343,396,153
Thanh lý						73,891,320
Số dư cuối năm	4,614,961,927	139,053,702	2,225,780,925	1,232,056,094	229,788,656	8,441,641,304
III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	5,129,886,311	198,907,970	1,021,739,320	885,790,067	329,901,557	7,566,225,225
Tại ngày cuối năm	5,134,666,619	199,267,629	1,718,308,300	1,132,459,133	439,443,344	8,624,145,025

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1,610,687,727 đồng



8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
Số dư đầu kỳ	735,810,985	735,810,985
Thuê tài chính trong kỳ		-
Mua lại tài sản thuê tài chính	735,810,985	735,810,985
Số dư cuối kỳ	-	-
II- Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	277,583,617	277,583,617
Khấu hao trong kỳ	36,562,520	36,562,520
Mua lại tài sản thuê tài chính	314,146,137	314,146,137
Số dư cuối kỳ	-	-
III- Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
Tại ngày đầu kỳ	458,227,368	458,227,368
Tại ngày cuối kỳ	-	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính, website	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ	1,633,223,600	75,800,000	1,709,023,600
Mua trong kỳ		1,232,804,700	1,232,804,700
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	1,633,223,600	1,308,604,700	2,941,828,300
II- Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1,059,625,818	70,800,012	1,130,425,830
Khấu hao trong kỳ	65,406,808	159,100,576	224,507,384
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	1,125,032,626	229,900,588	1,354,933,214
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu kỳ	573,597,782	4,999,988	578,597,770
Tại ngày cuối kỳ	508,190,974	1,078,704,112	1,586,895,086


 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 CHỨC VỤ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ CHÍ MINH

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	891,973,922	2,935,753,653
Trong đó:		
+ Công trình xây dựng, sửa chữa kho sau nhà văn phòng	-	287,150,820
+ Công trình nhà kho	445,341,362	312,982,453
+ Công trình xây dựng cao ốc	-	685,295,469
+ Hệ thống thông tin Quản trị doanh nghiệp	-	1,580,324,911
+ Sửa chữa nhà 76 Trương Nguyệt Ánh	446,632,560	70,000,000

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trái và trái phiếu	-	5,000,000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	49,556,989	92,899,018
- Phần mềm quản lý GDP	-	2,333,328
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng, nhà kho	82,122,261	155,049,285
- Tiền đăng ký sử dụng gian hàng	76,562,099	91,363,634
- Khác	214,235,178	-
Cộng	422,476,527	341,645,265

13. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	83,651,289,395	62,198,090,087

(*) Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2010:

+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	495,395.30	USD	#	9,378,823,820	VND
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam				473,606,250	VND
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn	844,535.77	USD	#	15,988,751,198	VND
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn	73,501.78	EUR	#	1,986,370,169	VND
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn				8,929,781,846	VND
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2	107,795.17	EUR	#	2,913,141,832	VND
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2	774,553.90	USD	#	14,663,854,435	VND
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	166,211.00	EUR	#	4,491,817,371	VND
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	153,496.00	USD	#	2,905,986,272	VND
+ Ngân hàng Phương Tây	45,896.40	USD	#	868,910,645	VND
+ Ngân hàng Phương Tây				6,770,421,398	VND
+ Ngân hàng Eximbank	478,550.82	EUR	#	12,932,735,415	VND
+ Ngân hàng Eximbank	29,952.00	USD	#	567,051,264	VND
+ Ngân hàng Eximbank				780,037,480	VND
				83,651,289,395	VND



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty đã cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng như sau:

- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: Cầm cố tiền gửi có kỳ hạn tại MSB Sài Gòn trị giá 7.000.000.000 đồng; Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển là dược phẩm, dược liệu, dụng cụ y tế các loại tại kho của Công ty Yteco trị giá là 10.000.000.000 đồng.

- Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn: Cam kết cầm cố, thế chấp toàn bộ tài sản của Bên vay nếu vi phạm hợp đồng này để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ; Dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ khác của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn cụ thể của Bên vay tại Ngân hàng.

- Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là Người thụ hưởng.

- Ngân hàng TMCP Quân đội: Cầm cố, thế chấp các tài sản: Các khoản phải thu thường xuyên của công ty. Tổng giá trị tài sản tối thiểu bằng 140% tổng số dư nợ vay và số dư bảo lãnh L/C trả chậm tại mọi thời điểm.

- Ngân hàng Phương Tây: Thế chấp quyền nhận các khoản thanh toán, với giá trị tương ứng với tổng hạn mức được cấp. Tổng giá trị các tài sản thế chấp tại mọi thời điểm có giá trị tối thiểu bằng 50.000.000.000 đồng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra		189,527,827
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2,309,348,132	930,096,525
- Thuế xuất, nhập khẩu	750,881,047	531,021,640
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,491,903,939	978,763,095
- Các loại thuế khác	20,396,904	20,396,904
Cộng	<u>4,572,530,022</u>	<u>2,649,805,991</u>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế kiểm tra, thẩm định lại. Do nhiều ý kiến khác nhau nên sau khi có quyết định chính thức của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1,492,920	1,492,920
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn	16,691,362	12,871,380
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4,976,334,797	4,244,999,655
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	561,260,000	2,864,590,000
- Phải trả, phải nộp khác	360,183,643	1,475,381,200
Cộng	<u>5,915,962,722</u>	<u>8,599,335,155</u>

16. Các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	94,500,000
- Vay dài hạn tại Chi nhánh Hậu Giang	-	150,000,000
- Nợ dài hạn thuê tài chính	-	1,434,800
Cộng	-	<u>245,934,800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

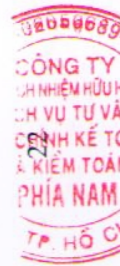
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
- Số dư đầu năm trước	28,000,000,000	-	5,214,513,965	1,660,959,842	1,021,785,629	35,897,259,436
- Lãi trong năm trước		303,471,383	422,779,291	301,985,208	6,039,704,151	6,039,704,151
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện					(1,932,705,329)	(1,932,705,329)
- Tạm trích quỹ					(3,920,000,000)	(3,920,000,000)
- Chia cổ tức					(241,588,166)	(241,588,166)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát					967,196,285	967,196,285
- Số dư cuối năm trước	28,000,000,000	303,471,383	5,637,293,256	1,962,945,050	36,870,905,974	36,870,905,974
- Số dư đầu năm nay	28,000,000,000	303,471,383	5,637,293,256	1,962,945,050	967,196,285	36,870,905,974
- Lợi nhuận tăng trong năm		(135,095,603)	479,500,598	342,500,427	6,850,008,546	6,850,008,546
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện					(2,309,503,161)	(135,095,603)
- Tạm trích quỹ (*)					(3,920,000,000)	(1,487,502,136)
- Chia cổ tức (*)					(274,000,342)	(3,920,000,000)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát (*)					1,313,701,328	(274,000,342)
Số dư cuối năm nay	28,000,000,000	168,375,780	6,116,793,854	2,305,445,477	1,313,701,328	37,904,316,439

(*) Công ty tạm trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2010 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ 3 (2010-2015) ngày 22/05/2010. Việc phân phối lợi nhuận này sẽ được thông qua tại Đại hội Cổ đông được tổ chức sau ngày lập Báo cáo tài chính này theo Điều lệ.



b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
- Vốn góp của Nhà nước	8,120,000,000	29%	8,120,000,000	29%
- Vốn góp của Công nhân viên Công ty	2,064,000,000	7%	1,934,000,000	7%
- Vốn góp của cá nhân	17,816,000,000	64%	17,946,000,000	64%
Cộng	28,000,000,000	100%	28,000,000,000	100%

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,800,000	2,800,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,800,000	2,800,000
+ Cổ phiếu phổ thông	2,800,000	2,800,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,800,000	2,800,000
+ Cổ phiếu phổ thông	2,800,000	2,800,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

** Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ 3 (2010-2015) ngày 22/05/2010, Công ty đã điều chỉnh mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng sang 10.000 đồng. Số cổ phiếu năm trước được điều chỉnh lại để so sánh với số năm nay.

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	6,116,793,854	5,637,293,256
- Quỹ dự phòng tài chính	2,305,445,477	1,962,945,050

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

18. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	355,269,781,605	461,091,139,690
Trong đó:		
+ Tại Văn phòng Công ty	315,228,397,411	387,848,596,106
+ Hiệu thuốc số 1	2,628,901,952	11,157,712,082
+ Hiệu thuốc số 2	806,909,710	2,604,996,011
+ Hiệu thuốc số 4	5,181,836,821	4,912,335,842
+ Hiệu thuốc số 5	177,813,314	166,653,576
+ Hiệu thuốc số 6	162,550,725	151,201,927
+ Hiệu thuốc số 7	130,258,397	185,526,053
+ Chi nhánh Hà Nội	328,921,854	1,899,889,034
+ Chi nhánh Đà Nẵng	67,608,037	261,355,963

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Chi nhánh Cần Thơ	30,250,382,306	48,304,413,880
+ Chi nhánh Bình Định	16,225,360	501,144,532
+ Nhà thuốc Yteco số 1	289,975,718	3,097,314,684
- Các khoản giảm trừ doanh thu	4,150,576,493	2,495,796,193
+ Giảm giá hàng bán	-	53,857,777
+ Hàng bán bị trả lại	4,150,576,493	2,441,938,416
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	351,119,205,112	458,595,343,497
+ Tại Văn phòng Công ty	311,099,684,339	385,523,529,659
+ Hiệu thuốc số 1	2,628,901,952	11,157,712,082
+ Hiệu thuốc số 2	806,909,710	2,604,996,011
+ Hiệu thuốc số 4	5,181,836,821	4,912,335,842
+ Hiệu thuốc số 5	177,813,314	166,653,576
+ Hiệu thuốc số 6	162,550,725	151,201,927
+ Hiệu thuốc số 7	130,258,397	185,526,053
+ Chi nhánh Hà Nội	328,921,854	1,899,889,034
+ Chi nhánh Đà Nẵng	67,608,037	256,355,963
+ Chi nhánh Cần Thơ	30,228,518,885	48,138,684,134
+ Chi nhánh Bình Định	16,225,360	501,144,532
+ Nhà thuốc Yteco số 1	289,975,718	3,097,314,684

19. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
+ Tại Văn phòng Công ty	280,176,108,972	364,086,890,315
+ Hiệu thuốc số 1	2,435,497,533	9,823,842,563
+ Hiệu thuốc số 2	734,789,130	2,437,145,369
+ Hiệu thuốc số 4	4,835,354,475	4,664,737,614
+ Hiệu thuốc số 5	166,515,085	149,617,122
+ Hiệu thuốc số 6	150,423,538	134,004,594
+ Hiệu thuốc số 7	110,983,141	163,087,153
+ Chi nhánh Hà Nội	331,161,403	1,718,630,839
+ Chi nhánh Đà Nẵng	79,839,037	231,762,964
+ Chi nhánh Cần Thơ	28,902,975,955	42,477,141,531
+ Chi nhánh Bình Định	315,616,111	415,343,217
+ Nhà thuốc Yteco số 1	739,662,156	3,016,480,154
Cộng	318,978,926,536	429,318,683,435

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1,496,632,235	2,078,987,634
- Doanh thu tài chính khác	6,606,362,308	1,668,767,156
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24,552,653,246	-
Cộng	32,655,647,789	3,747,754,790



21. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay, lãi thuê tài chính	5,631,375,807	3,015,266,109
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24,162,649,699	1,385,373,075
- Chi phí tài chính khác	-	591,872,600
Cộng	29,794,025,506	4,992,511,784

22. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,176,087,420	7,328,473,511
Các khoản điều chỉnh tăng	128,228,075	35,922,830
Tổng số thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	9,304,315,495	7,364,396,341
Thuế suất phổ thông	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,326,078,874	1,841,099,085
Giảm 30% thuế thu nhập theo thông tư 03/2009/TT-BTC		552,329,726
Thuế TNDN phải nộp	2,326,078,874	1,288,769,360

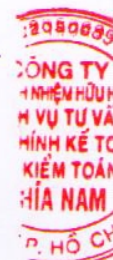
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,850,008,546	6,039,704,151
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	2,800,000	2,800,000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,446	2,157

* Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ 3 (2010-2015) ngày 22/05/2010, Công ty đã điều chỉnh mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng sang 10.000 đồng. Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân kỳ trước được điều chỉnh lại để so sánh với số liệu kỳ này.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

24. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

VIII. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Người lập biểu



Phạm Thanh Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà



Ngày 29 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám Đốc

ĐS. Trịnh Đào Cung

